

QUYẾT ĐỊNH
Về việc thực hiện chế độ phụ cấp thâm niên nghề
đối với công chức giữ ngạch kiểm lâm

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Nghị định số 204/2004/NĐ-CP ngày 14/12/2004 của Chính phủ về chế độ tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 04/2009/TTLT-BNV-BTC ngày 24/12/2009 của liên Bộ Nội vụ và Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện chế độ phụ cấp thâm niên nghề đối với cán bộ, công chức đã được xếp lương theo các ngạch hoặc chức danh chuyên ngành tòa án, kiểm sát, kiểm toán, thanh tra, thi hành án dân sự và kiểm lâm;

Căn cứ Quyết định số 08/2022/QĐ-UBND ngày 22/02/2022 của UBND tỉnh Thanh Hóa ban hành Quy định phân công, phân cấp quản lý tổ chức bộ máy, biên chế và cán bộ, công chức, viên chức thuộc UBND tỉnh Thanh Hóa quản lý;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ tại Tờ trình số 1283/TTr-SNV ngày 07/11/2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thực hiện chế độ phụ cấp thâm niên nghề kiểm lâm đối với 37 công chức thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường, cụ thể:

(Có danh sách kèm theo).

Điều 2. Giao Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường căn cứ thời gian làm việc theo hồ sơ công chức, quyết định mức phụ cấp thâm niên nghề kiểm lâm hằng năm đối với 37 công chức các đơn vị trực thuộc Sở. Sở Nội vụ, Sở Tài chính có trách nhiệm theo dõi, kiểm tra quá trình tổ chức thực hiện theo quy định.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Nội vụ, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan và các cá nhân có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3 QĐ;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh (để b/c);
- Lưu: VT, THĐT.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

A handwritten signature in blue ink, consisting of stylized, flowing characters that appear to be 'Đầu Thanh Tùng'.

Đầu Thanh Tùng

**DANH SÁCH CÔNG CHỨC THUỘC SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG
ĐƯỢC HƯỞNG PHỤ CẤP THÂM NIÊN NGHỀ LẦN ĐẦU**

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng năm 2025 của Chủ tịch UBND tỉnh)

TT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Chức danh, chức vụ, đơn vị công tác	Thời gian tính hưởng PCTNN	Số năm tháng được hưởng PC TNN	Mã ngạch	Hệ số lương hiện hưởng	Trong đó		Tỉ lệ % PC TNN được hưởng	Thời điểm hưởng và tính nâng phụ cấp TNN lần sau
								Hệ số lương	Phụ cấp chức vụ		
I	Ban Quản lý Vườn Quốc gia Bến En										
1	Lục Văn Luật	05/9/1992	Kiểm lâm viên, Trạm Kiểm lâm Xuân Lý, Hạt Kiểm lâm Vườn Quốc gia Bến En, Ban quản lý Vườn Quốc gia Bến En	04/5/2020	5 năm 6 tháng	10.226	3.00	3.00		5%	04/5/2025
2	Trương Văn Học	18/01/1993	Kiểm lâm viên, Hạt Kiểm lâm Vườn Quốc gia Bến En, Ban quản lý Vườn Quốc gia Bến En	18/5/2020	5 năm 5 tháng	10.226	3.00	3.00		5%	18/5/2025
II	Ban Quản lý Vườn Quốc gia Xuân Liên										
3	Nguyễn Mậu Toàn	14/12/1984	Kiểm lâm viên, Phòng Khoa học và Hợp tác quốc tế, Ban quản lý Vườn quốc gia Xuân Liên	18/5/2020	5 năm 5 tháng	10.226	3.99	3.99		5%	18/5/2025
4	Ngô Xuân Minh	08/11/1985	Kiểm lâm viên, Phụ trách Trạm Kiểm lâm Bản Phông, Hạt Kiểm lâm Vườn Quốc gia Xuân Liên, Ban quản lý Vườn Quốc gia Xuân Liên	18/5/2020	5 năm 5 tháng	10.226	4.24	3.99	0.25	5%	18/5/2025

5	Trương Hồng Sơn	08/02/1995	Kiểm lâm viên, Trạm Kiểm lâm Hón Can, Hạt Kiểm lâm Vườn quốc gia Xuân Liên	04/5/2020	5 năm 6 tháng	10.226	2.67	2.67		5%	04/5/2025
III	Ban Quản lý Khu bảo tồn thiên nhiên Pù Hu										
6	Bùi Hồng Linh	02/12/1990	Kiểm lâm viên, Phụ trách Trạm Kiểm lâm Tà Cóm, Hạt Kiểm lâm rừng đặc dụng Pù Hu, Ban quản lý Khu bảo tồn thiên nhiên Pù Hu	04/5/2020	5 năm 6 tháng	10.226	3.25	3.00	0.25	5%	04/5/2025
7	Bùi Thanh Hoài	04/9/1988	Kiểm lâm viên, Phụ trách Trạm Kiểm lâm Pá Quăn, Hạt Kiểm lâm rừng đặc dụng Pù Hu, Ban quản lý Khu bảo tồn thiên nhiên Pù Hu	04/5/2020	5 năm 6 tháng	10.226	3.58	3.33	0.25	5%	04/5/2025
8	Nguyễn Đình Dũng	12/05/1989	Kiểm lâm viên, Hạt Kiểm lâm rừng đặc dụng Pù Hu, Ban quản lý Khu bảo tồn thiên nhiên Pù Hu	04/5/2020	5 năm 6 tháng	10.226	3.33	3.33		5%	04/5/2025
IV	Chi cục Kiểm lâm										
9	Nguyễn Công Chung	20/12/1984	Kiểm lâm viên, Phó Trưởng phòng Hành chính, xây dựng lực lượng, Chi cục Kiểm lâm	01/01/2020	5 năm 10 tháng	10.226	4.29	3.99	0.30	5%	01/01/2025
10	Nguyễn Thị Thoa	04/6/1984	Kiểm lâm viên, Phòng Phát triển và sử dụng rừng, Chi cục Kiểm lâm	01/01/2020	5 năm 10 tháng	10.226	3.00	3.00		5%	01/01/2025

11	Nguyễn Đức Hiếu	20/01/1984	Kiểm lâm viên, Phó Trưởng phòng, Phòng Phát triển và sử dụng rừng, Chi cục Kiểm lâm	01/01/2020	5 năm 10 tháng	10.226	4.29	3.99	0.30	5%	01/01/2025
12	Nguyễn Thị Kim Anh	11/4/1989	Kiểm lâm viên, Phòng Phát triển và sử dụng rừng, Chi cục Kiểm lâm	01/01/2020	5 năm 10 tháng	10.226	3.00	3.00		5%	01/01/2025
13	Nguyễn Thế Đại	02/9/1984	Kiểm lâm viên, Phòng Phát triển và sử dụng rừng, Chi cục Kiểm lâm	20/7/2020	5 năm 3 tháng	10.226	3.99	3.99		5%	20/7/2025
14	Nguyễn Thương Huyền	01/5/1995	Kiểm lâm viên, Phòng Hành chính xây dựng lực lượng, Chi cục Kiểm lâm	04/5/2020	5 năm 6 tháng	10.226	2.67	2.67		5%	04/5/2025
15	Phạm Văn Châu	16/3/1993	Kiểm lâm viên, Phòng Hành chính xây dựng lực lượng, Chi cục Kiểm lâm	04/5/2020	5 năm 6 tháng	10.226	3.00	3.00		5%	04/5/2025
16	Lê Văn Tú	03/02/1996	Kiểm lâm viên, Phòng Bảo vệ rừng và Xử lý vi phạm, Chi cục Kiểm lâm	04/5/2020	5 năm 6 tháng	10.226	3.00	3.00		5%	04/5/2025
17	Lê Thành Đạt	22/01/1994	Kiểm lâm viên, Phòng Quản lý rừng và Bảo tồn đa dạng sinh học, Chi cục Kiểm lâm	04/5/2020	5 năm 6 tháng	10.226	3.00	3.00		5%	04/5/2025
18	Nguyễn Văn Đạt	10/10/1974	Phó Hạt trưởng Hạt Kiểm lâm huyện Cẩm Thủy	01/01/2020	5 năm 10 tháng	10.226	4.95	4.65	0.30	5%	01/01/2025
19	Trịnh Văn Thơm	21/4/1982	Kiểm lâm viên, Hạt Kiểm lâm huyện Cẩm Thủy	04/5/2020	5 năm 6 tháng	10.226	3.66	3.66		5%	04/5/2025

20	Hà Xuân Chiến	15/8/1996	Kiểm lâm viên, Phụ trách Trạm Kiểm lâm Trường Lệ, Hạt Kiểm lâm Thành phố Thanh Hóa	04/5/2020	5 năm 6 tháng	10.226	3.25	3.00	0.25	5%	04/5/2025
21	Bùi Ngọc Nam	20/9/1994	Kiểm lâm viên, Hạt Kiểm lâm Thạch Thành	04/5/2020	5 năm 6 tháng	10.226	3.00	3.00		5%	04/5/2025
22	Lê Đình Mạnh	11/6/1980	Kiểm lâm viên Hạt Kiểm lâm huyện Quan Sơn	04/5/2020	5 năm 6 tháng	10.226	3.99	3.99		5%	04/5/2025
23	Nguyễn Tấn Minh	22/02/1982	Kiểm lâm viên, Hạt Kiểm lâm Hà Trung	04/5/2020	5 năm 6 tháng	10.226	3.99	3.99		5%	04/5/2025
24	Phan Quang Tân	25/4/1984	Kiểm lâm viên, Đội Kiểm lâm cơ động và Phòng cháy, chữa cháy rừng	04/5/2020	5 năm 6 tháng	10.226	3.33	3.33		5%	04/5/2025
25	Nguyễn Văn Thắng	25/12/1993	Kiểm lâm viên, Đội Kiểm lâm cơ động và Phòng cháy, chữa cháy rừng	04/5/2020	5 năm 6 tháng	10.226	3.00	3.00		5%	04/5/2025
26	Lê Xuân Ngọc	04/5/1981	Kiểm lâm viên, Hạt Kiểm lâm huyện Như Xuân	04/5/2020	5 năm 6 tháng	10.226	3.33	3.33		5%	04/5/2025
27	Lê Kim Chiến	04/9/1987	Kiểm lâm viên, Hạt Kiểm lâm huyện Như Xuân	04/5/2020	5 năm 6 tháng	10.226	3.33	3.33		5%	04/5/2025
28	Hoàng Anh Chiến	05/12/1992	Kiểm lâm viên, Hạt Kiểm lâm huyện Bá Thước	04/5/2020	5 năm 6 tháng	10.226	3.00	3.00		5%	04/5/2025
29	Lê Thị Hằng	15/10/1990	Kiểm lâm viên, Hạt Kiểm lâm Như Thanh	04/5/2020	5 năm 6 tháng	10.226	3.33	3.33		5%	04/5/2025
30	Nguyễn Văn Dương	10/02/1987	Kiểm lâm viên, Phụ trách Trạm Kiểm lâm Thanh Tân, Hạt Kiểm lâm Như Thanh	04/5/2020	5 năm 6 tháng	10.226	3.25	3.00	0.25	5%	04/5/2025

31	Lương Văn Hiền	10/4/1981	Kiểm lâm viên, Hạt Kiểm lâm Như Thanh	04/5/2020	5 năm 6 tháng	10.226	3.33	3.33		5%	04/5/2025
32	Nguyễn Đình Tuyền	08/10/1983	Kiểm lâm viên, Hạt Kiểm lâm huyện Lang Chánh	04/5/2020	5 năm 6 tháng	10.226	3.00	3.00		5%	04/5/2025
33	Lê Đông	05/6/1986	Kiểm lâm viên, Hạt Kiểm lâm huyện Lang Chánh	04/5/2020	5 năm 6 tháng	10.226	3.99	3.99		5%	04/5/2025
34	Nguyễn Văn Hiệp	21/6/1994	Kiểm lâm viên, Hạt Kiểm lâm huyện Lang Chánh	04/5/2020	5 năm 6 tháng	10.226	2.67	2.67		5%	04/5/2025
35	Lê Văn Sơn	02/3/1988	Kiểm lâm viên, Hạt Kiểm lâm huyện Quan Hoá	04/5/2020	5 năm 6 tháng	10.226	3.33	3.33		5%	04/5/2025
36	Phan Thị Trang	15/9/1994	Kiểm lâm viên, Hạt Kiểm lâm Ngọc Lặc	04/5/2020	5 năm 6 tháng	10.226	2.67	2.67		5%	04/5/2025
37	Cao Bá Kết	11/7/1986	Kiểm lâm viên, Hạt Kiểm lâm huyện Mường Lát	04/5/2020	5 năm 6 tháng	10.226	2.67	2.67		5%	04/5/2025

Danh sách này có 37 người./.